

Bản án số: **18/2019/DS-PT.**

Ngày: 22/4/2019

Về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ma Hồng Thắng

*Các Thẩm phán:* Ông Ma Ngọc Trung và bà Lưu Hồ Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Phong- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang:** Bà Nguyễn Hữu Tinh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 22/2019/TLDS- PT ngày 04 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16 ngày 16 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Doãn Thị H , sinh năm 1956 và Ông Cao Đắc C, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà 35, tổ 19 phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang (có mặt).

Người được nguyên đơn uỷ quyền: Ông Lê Hồng K, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khu 1B, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ ( có mặt).

2. Bị đơn Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), sinh năm 1962 (có mặt) và Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 67, tổ 21, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L),

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 17/5/2011 Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có viết giấy vay tiền với nội dung Ông R và Bà S có vay của Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, thời gian vay 2 năm, giấy vay tiền có chữ ký của Ông R và Bà S.

Ngày 14/12/2015 Ông R viết 01 giấy vay tiền khác với nội dung Ông R và Bà S vay của Bà Doãn Thị H số tiền 262.604.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm linh tư nghìn đồng) để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ông R đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang và đã đến hạn trả tiền, giấy có chữ ký của Ông R.

Cùng ngày 14/12/2015 Ông R viết giấy thế chấp tài sản với nội dung Ông R và Bà S vay của Bà H số tiền 1.562.604.000 đồng (một tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm linh tư nghìn đồng) - là số tiền gốc của 02 lần vay trên. Tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X038226 cấp ngày 01/7/2003 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ 18, diện tích 72,7 m<sup>2</sup> tại tổ 21, phường P và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 2 tầng trên toàn bộ diện tích đất hạn sau 2 tháng sẽ trả tiền cho Bà H, nếu không trả được Bà H được toàn quyền sử dụng nhà, đất hoặc bán để thu hồi nợ. Giấy có chữ ký của Ông R và chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ 21, phường M.

Sau đó Ông R không trả được tiền cho Bà H, ngày 30/4/2016 Ông R có viết giấy xin khất nợ hạn đến khi nào giải quyết xong vụ kiện của ông với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thì sẽ trả tiền cho Bà H. Ngày 13/8/2017 Ông R viết giấy cam kết hạn đến ngày 15/12/2017, ngày 15/12/2017 Ông R lại viết giấy cam kết đến ngày 02/4/2018 sẽ trả tiền cho Bà H và Ông C. Tuy nhiên, sau đó Ông R không trả được tiền nên Bà H làm đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết buộc Ông R và Bà S có nghĩa vụ trả tiền cho Bà H và Ông C.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Cao Đắc C và Bà Doãn Thị H trình bày:

Quá trình Tòa án giải quyết ông bà có ủy quyền cho Ông Lê Hồng K tham gia giải quyết vụ việc, tại phiên tòa Ông Khanh vắng mặt nên Ông C và Bà H trực tiếp tham gia. Năm 2011 ông bà có cho vợ chồng Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), Bà Hng Thị S vay một số tiền là 1.300.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy vay nợ, lãi suất 2% tháng, thời hạn vay 2 năm. Sau đó, vợ chồng Ông R và Bà S không trả được tiền nợ gốc và lãi nên sau đó 2 bên đã thỏa thuận ông bà cho Ông R và Bà S vay thêm 262.604.000 đồng để trả tiền nợ cho Ngân hàng vì đã đến hạn trả nợ. Sau khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ông R Bà S sẽ thế chấp nhà đất trên cho ông bà. Như vậy, đến ngày 14/12/2015 vợ chồng Ông R và Bà S đã vay của ông bà tổng số tiền nợ gốc là 1.562.604.000 đồng. Ông R và Bà S đã viết giấy vay tiền và thế chấp nhà đất cho ông bà. Sau đó Ông R và Bà S đã không trả tiền gốc và lãi cho ông bà mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng Ông R Bà S cứ khất lần không trả. Việc khất lần này được thể hiện bằng các giấy vay tiền, giấy khất nợ. Cho đến giấy cuối cùng Ông R Bà S xin khất nợ đến ngày 02/4/2018 sẽ trả tiền cho ông bà nhưng từ đó đến nay Ông R và Bà S vẫn không trả được tiền nên ông bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền vay cả gốc

và lãi là 3.801.137.000 đồng (ba tỷ tám trăm linh một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Trường hợp Ông R và Bà S không có tiền trả thì phải giao nhà đất đã thế chấp cho ông bà theo như đã thoả thuận.

Tại phiên toà Ông C và Bà H đề nghị Hội đồng xét xử buộc Ông Nguyễn Vũ R và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả nợ cho ông bà với số tiền gốc là 1.562.604.000 đồng (một tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm linh tư nghìn đồng) và lãi suất tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng.

Bị đơn Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), trình bày:

Năm 2011, do đặc thù công việc và nguồn vốn kinh doanh nên ông đã mang mấy viên đá khai thác được tại mỏ đá ở xóm 19, xã P, huyện Y của Công ty ông đi tìm người đầu tư. Ông Cao Đắc C và Bà Doãn Thị H đã đồng ý đầu tư cho công ty của ông một khoản tiền để mua máy cuốc về làm phương tiện khai thác đá. Số tiền đầu tư là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Sau khi mua được máy cuốc về thì 2 bên có thoả thuận và viết giấy tờ vay nợ với nhau. Sau đó do kinh tế khó khăn, việc khai thác mỏ đá không có hiệu quả nên ông không có tiền trả cho Ông C và Bà H. Ông C và Bà H nhiều lần đòi ông trả tiền nhưng ông không trả được nên đã ép ông phải thế chấp nhà đất đang ở cho ông bà. Thời điểm này máy cuốc của ông bị Công an tỉnh thu giữ trái pháp luật và ông đang khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Toà án tỉnh đã xét xử và bác yêu cầu khởi kiện của ông nên ông đã làm đơn kháng cáo gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà nội nhưng chưa được giải quyết.

Quá trình giải quyết Ông R thừa nhận ông còn nợ số tiền gốc và lãi của Ông C và Bà H như 2 ông bà yêu cầu là đúng. Ông nhất trí trả nợ theo hướng trả dần đến cuối năm sẽ thu sếp trả hết số tiền nợ gốc là 1.562.604.000 đồng. Còn số tiền lãi ông xin khát lại trả nợ sau.

Tại phiên toà Ông R xác định số tiền trên là do Ông C và Bà H đầu tư vào công ty của ông để khai thác đá tại xã P, huyện Y. Không phải là tiền ông vay của Ông C Bà H, các giấy vay nợ là do Ông C Bà H đe dọa bắt ép ông phải viết. Nay Công ty làm ăn thua lỗ, bị Công an thu giữ tài sản, ông đang khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án nên ông không có tiền trả cho Ông C và Bà H. Ông không nhất trí nợ tiền của Bà H và Ông C, việc Ông Bà H Cử đầu tư làm ăn cùng ông lỗ phải cùng chịu nên ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của Bà H và Ông C.

Quá trình giải quyết Bà Hoàng Thị S trình bày:

Do đặc thù công việc và nguồn vốn kinh doanh của công ty Ông Nguyễn Vũ R-chồng bà, nên Ông Cao Đắc C và Bà Doãn Thị H có đầu tư cho công ty một khoản tiền để mua máy cuốc về làm khai thác tại mỏ đá ở xóm 19, xã P, huyện Y. Số tiền đầu tư là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Sau khi mua được máy cuốc về thì Bà H đã yêu cầu vợ chồng bà phải viết giấy nhận nợ. Sau đó, do suy thoái kinh tế việc khai thác mỏ đá không có hiệu quả nên ông bà không có tiền trả cho Ông C và Bà H nên Ông C và Bà H đã bắt ép ông bà ký giấy thế chấp nhà đất. Nay bà có quan điểm nhất trí nợ tiền thì phải trả bằng tiền, số tiền cụ thể đề nghị Toà án xác định làm rõ, không nhất trí giao nhà đất cho Ông C và Bà H.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố Q xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 98/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

Quyết định: Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 228, 271 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 688 - Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 473, 476 - Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C

Buộc Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền nợ gốc là 1.562.604.000 đồng, lãi là 950.146.300 đồng. Tổng cộng 2.512.750.300 đồng (hai tỷ năm trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn ba trăm đồng). Chia ra, Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 1.256.375.150 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng); Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 1.256.375.150 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trả lại cho Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 038226 cấp ngày 01/7/2003 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

2. Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền chi phí thẩm định tài sản tại chỗ là 1.463.000 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Chia ra Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 731.500 đồng (bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng); Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 731.500 đồng (bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và biên bản làm việc bổ sung đơn kháng cáo ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố với nội dung: Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L) không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm đã buộc ông có nghĩa vụ trả tiền còn nợ cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C, ông xác định đây là tiền Bà H đầu tư vào mỏ đá của Công ty ông không phải tiền ông vay của Bà H và Ông C. Do Công ty làm ăn thua lỗ, máy móc bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thu giữ, ông đang khởi kiện vụ án hành chính khác và Tòa án nhân dân tối cao đang thụ lý giải quyết phúc thẩm, chưa có kết quả nên ông không có tiền trả cho Ông C và Bà H, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày quan điểm:

Bà Doãn Thị H, Ông Cao Đắc C và người đại diện theo uỷ quyền Ông Lê Hồng K đề nghị giữ nguyên nội dung khởi kiện, nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 98/2018- DSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, buộc Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền nợ gốc là 1.562.604.000 đồng, lãi là 950.146.300 đồng. Tổng cộng 2.512.750.300 đồng (hai tỷ năm trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn ba trăm đồng). Chia ra, Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 1.256.375.150 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng); Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 1.256.375.150 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng). Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền chi phí thẩm định tài sản tại chỗ là 1.463.000 đồng.

Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), không nhất trí trả cho vợ chồng Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền 2.512.750.300 đồng (hai tỷ năm trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn ba trăm đồng) vì số tiền trên là tiền Ông C Bà H đầu tư vào Công ty của ông để mua máy cuốc về làm phương tiện khai thác đá, việc Công ty làm ăn thua lỗ thì Ông C và Bà H phải cùng chịu. Không nhất trí trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền chi phí thẩm định tài sản tại chỗ là 1.463.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Trình tự thủ tục giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L) là hợp lệ, trong hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, khoản 2 Điều 476, khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463, 466, 468, 470, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 98/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q. Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L) ;

Quá trình giải quyết, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Văn L và Hoàng Thị S lập ngày 17/5/2011 thể hiện Ông R và Bà S vay của Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền 1.300.000.000 đồng. Sau đó do không trả

được tiền 2 bên đã thoả thuận về việc cho vay thêm tiền để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại giấy thế chấp tài sản ngày 14/12/2015 thể hiện Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S vay của Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền 1.562.604.000 đồng (một tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm linh tư nghìn đồng) hẹn sau 2 tháng sẽ trả tiền. Sau đó, do không trả được tiền nên Ông R đã nhiều lần viết giấy khất nợ được thể hiện qua các giấy cam kết, giấy khất nợ (Giấy xin khất nợ mang tên Nguyễn Văn L lập ngày 30/4/2016, giấy cam kết mang tên Nguyễn Vũ R (L) lập ngày 13/8/1017, giấy cam kết mang tên Nguyễn Vũ R (L) lập ngày 15/12/1017). Quá trình giải quyết Ông Nguyễn Vũ R thừa nhận có nợ tiền của Ông C và Bà H là thực và vẫn nhất trí trả nợ theo yêu cầu của Ông C và Bà H nhưng do vụ án khiếu kiện quyết định hành chính của ông với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chưa được Tòa án nhân dân tối cao giải quyết nên ông chưa có tiền trả nợ cho Ông C và Bà H. Tại phiên tòa Ông R cho rằng đó là khoản tiền do Ông C và Bà H đầu tư vào Công ty của ông, giấy nợ là do Ông C và Bà H đe dọa và bắt ép ông viết nhưng Ông R không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc Ông C Bà H đầu tư cho Công ty của Ông R, không có cơ sở Ông R (L) bị ép viết giấy khất nợ, nên không có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), .

Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa Bà Doãn Thị H với Ông Nguyễn Vũ R có nội dung khác với lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015 do vậy lãi suất được tính theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 áp dụng từ ngày 01/12/2010 thì mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng là 9%/năm. Do đó, mức lãi suất được xác định 9%/năm: 12 tháng = 0.75%/tháng : 30 ngày = 0.025%/ngày. Số tiền gốc được thể hiện thành 2 đợt, đợt 1 là 1.300.000.000 đồng từ ngày 17/5/2011 đến ngày 14/12/2015, đợt 2 là 1.562.604.000 đồng từ ngày 15/12/2015 đến ngày 27/11/2018 nên số tiền lãi được tính thành 2 mốc cụ thể:

Đối với số tiền gốc 1.300.000.000 đồng tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 14/12/2015 là 04 năm 06 tháng 27 ngày = 535.275.000 đồng tiền lãi (1.300.000.000 đồng x 4 năm x 9%/năm = 468.000.000 đồng, 1.300.000.000 đồng x 06 tháng x 0.75%/tháng = 58.500.000 đồng và 1.300.000.000 đồng x 27 ngày x 0.025%/ngày = 8.775.000 đồng).

Đối với số tiền gốc 1.562.604.000 đồng tính từ ngày 15/12/2015 đến ngày 27/11/2018 là 02 năm 11 tháng 12 ngày = 414.871.362 đồng (1.562.604.000 đồng x 02 năm x 9%/năm = 281.268.720 đồng, 1.562.604.000 đồng x 11 tháng x 0.75%/tháng = 128.914.830 đồng và 1.562.604.000 đồng x 12 ngày x 0.025%/ngày = 4.687.812 đồng).

Tổng cộng số tiền lãi phải trả là: 950.146.362 đồng, làm tròn số 950.146.300 đồng (chín trăm năm mươi triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

Cấp sơ thẩm buộc Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền nợ gốc là 1.562.604.000 đồng, lãi là 950.146.300 đồng, tổng cộng 2.512.750.300 đồng (hai tỷ năm trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn ba trăm đồng). Chia ra Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 1.256.375.150 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm

mười đồng); Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 1.256.375.150 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng), buộc Ông Nguyễn Vũ R và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả lại cho Ông C và Bà H  $\frac{1}{2}$  số tiền chi phí thẩm định tại chỗ = 1.463.000 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng), tuyên trả lại cho Ông R bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án; buộc Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), phải nộp 49.691.000 đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Hoàng Thị S phải nộp 49.691.000 đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C không phải chịu án phí là đúng quy định của pháp luật, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000224 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, khoản 2 Điều 476, khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463, 466, 468, 470, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 98/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q về nghĩa vụ trả nợ như sau:

Buộc Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền nợ gốc là 1.562.604.000 đồng, lãi là 950.146.300 đồng. Tổng cộng 2.512.750.300 đồng (hai tỷ năm trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn ba trăm đồng). Chia ra Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 1.256.375.150 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng); Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 1.256.375.150 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trả lại cho Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 038226 cấp ngày 01/7/2003 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

2. Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), và Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền chi phí thẩm định tài sản tại chỗ là

1.463.000 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Chia ra Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 731.500 đồng (bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng); Bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C số tiền là 731.500 đồng (bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), phải nộp 49.691.000 đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Hoàng Thị S phải nộp 49.691.000 đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Doãn Thị H và Ông Cao Đắc C không phải chịu án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000224 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Ông Nguyễn Vũ R (Nguyễn Văn L), đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

*“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 22/4/2019.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà nội;
- VKSND cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Q;
- CC THA DS thành phố Q;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ma Hồng Thắng**